TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày 25-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành và bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Thuỷ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2022/HSST-QĐ ngày 11/01/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 10/2022/HSST-QĐ ngày 26/01/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh năm 2000 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị N; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam ngày 20/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt.

* *Người bị hại:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996;

Trú tại: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Mạc Văn H, sinh năm 1990 ;

Đều trú tại: KDC B, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Sỹ N1, sinh năm 1983 và chị Ma Thị N2, sinh năm 1979;

Đều trú tại: Khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

+ Anh Phạm Chiến T, sinh năm 1993;

Trú tại: KDC L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Anh Lê Văn N3 và chị Nguyễn Thị Tú U. Vắng mặt.

+ Anh Bùi Trọng T1. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T2. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết xã hội từ trước, thỉnh thoảng V đến quán sửa xe của anh Lê Văn N3 ở khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương chơi, có anh H (là thợ sửa xe tại quán của anh N3) ở đó. V nhiều lần mượn xe của mọi người trong quán nhưng đều trả lại xe đúng hẹn.

Khoảng 08 giờ ngày 23/8/2021, V đến quán sửa xe của anh Lê Văn N3 chơi. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, V đã nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô BKS 30L5-6566, nhãn hiệu YAMAHA Exciter, màu sơn vàng - đen của anh H, để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. V hỏi anh H "*cho em mượn xe để đi chơi với người yêu, cho em mượn cả giấy tờ xe không giao thông người ta bắt*", anh H đồng ý đưa xe mô tô BKS: 30L5-6566 và giấy tờ xe cho V. Sau khi mượn được xe, V điều khiển xe đến cửa hàng của anh Nguyễn Sỹ N1 ở khu dân cư L, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương để bán. Tại đây, V nói "*em có con xe này, anh xem mua được giá bao nhiêu*", anh N1 xem xe, hỏi V xe của ai thì V nói xe của V, do cần tiền nên bán. Anh N1 nói "*con xe này anh mua với giá 11.500.000 đồng*". V đồng ý bán và viết cho anh N1 01 giấy với nội dung V bán chiếc xe trên cho anh N1. V giao xe và đăng ký xe cho anh N1 và nhận của anh N1 tiền bán xe là 11.500.000đ. V đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi anh N1 mua xe đã sửa chữa lại xe

và bán cho anh Phạm Chiến T với giá 16.500.000đ, sau 03 ngày do không ưng ý về xe, anh T đã trả lại xe cho anh N1, chị N2. Ngày 25/10/2021, anh H đã đến chuộc lại xe mô tô với giá 13.000.000đ và giao xe mô tô cho cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Chí Linh.

Đến sáng ngày 24/8/2021, V tiếp tục đến quán sửa xe của anh N3 chơi. Do có người hỏi anh H về xe mô tô BKS: 30L5-6566 là bán xe rồi à, nên anh H nghi ngờ và quay sang hỏi V: "xe mô tô của anh đâu", V trả lời: "em đã bán cho một người trong phường B với giá 21 triệu đồng nhưng chưa lấy hết tiền". Anh H không đồng ý với việc V bán xe, nên nói V cùng anh H đi vào trong phường B lấy tiền bán xe (mục đích là vào chuộc lại xe); Khi đi đến ngã ba S, V sợ anh H đòi vào gặp người bán xe sẽ lộ việc V không bán xe ở đó nên nói dối anh H là "bố em đã lấy hộ tiền bán xe rồi và hẹn tối mới lấy được tiền", nên anh H đồng ý cùng V quay lại quán sửa xe của anh N3. Khoảng 14 giờ cùng ngày V tiếp tục nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô BKS 16F3-8607, nhãn hiệu: HONDA của anh H để bán lấy tiền. Do anh H yêu cầu V chuộc xe về ngay cho anh H nên V nói với anh H "*cho em mượn xe Dream để em sang nhà ông chú ở thành phố H lấy tiền mẹ gửi về để chuộc lại xe cho anh, cho em mượn cả giấy tờ xe để công an kiểm tra còn xuất trình*" và V hứa khoảng 18 giờ cùng ngày sẽ mang trả anh H cả hai chiếc xe trên nên anh H đồng ý, đưa xe và giấy tờ xe cho V mượn để đi thành phố H. Sau khi mượn được xe và giấy tờ xe, V điều khiển xe mô tô BKS: 16F3-8607 đi tìm chỗ để bán nhưng không tìm được. Sau đó, V điều khiển xe đến nhà anh Mạc Văn H1 để vay tiền. Khi gặp anh H1, V nói "*em có con xe mới mua của người khác, anh cầm cho em*", anh H1 đồng ý cho V vay số tiền 10.000.000đ. Sau khi nhận tiền V đi về và tiêu xài hết số tiền. Đến hẹn, anh H đến nhà V nhưng V không có nhà, không liên lạc được. Đến ngày 26/8/2021, anh H có đơn tố cáo về hành vi của V tại Công an thành phố Chí Linh.

Bản Kết luận định giá tài sản số 52/KLĐG ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố Chí Linh kết luận:

Tại thời điểm ngày 23/8/2021 tài sản: Xe mô tô BKS 30L5 - 6566, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn vàng - đen, dung tích: 134, số máy: 044698, số khung: 044697, năm sản xuất: 2010 có giá trị 14.000.000 đồng.

Tại thời điểm ngày 24/8/2021 tài sản: Xe mô tô BKS 16F3 – 8607, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: Nữ, màu sơn: nâu, dung tích: 99, số máy: 00ME-8072806, số khung: 100M-8072806, năm sản xuất: 2003 có giá trị 16.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản định giá là 30.000.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 123/CT-VKS-CL ngày 28/11/2021, Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 23 - 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/10/2021; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng: Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do Nguyễn Văn V có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước. Khoảng 19 giờ 30 ngày 23/8/2021, tại quán sửa xe của anh Lê Văn N3 ở khu dân cư M, phường C, thành phố C, Nguyễn Văn V dùng lời nói gian dối hỏi mượn của anh Nguyễn Văn H chiếc xe mô tô BKS: 30L5-6566, nhãn hiệu YAMAHA Exciter, trị giá 14.000.000 đồng và đăng ký xe môtô để đi lại. Sau khi được anh H tin tưởng giao xe và đăng ký xe, V đã đem xe môtô đến cửa hàng của anh Nguyễn Sỹ N1, chị Ma Thị N2 ở khu dân cư L, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương bán được 11.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tiếp đó, khoảng 14 giờ ngày 24/8/2021, cũng tại quán sửa xe của anh N3, ở khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn V đã dùng lời nói gian dối hỏi mượn của anh Nguyễn Văn H chiếc xe mô tô BKS: 16F3-8607, trị giá: 16.000.000 đồng và đăng ký xe môtô để đi chuộc lại xe mô tô BKS: 30L5-6566, nhãn hiệu YAMAHA Exciter. Sau khi được anh H tin tưởng giao xe và đăng ký xe, V đã đem xe môtô đến nhà anh Mạc Văn H1 ở KDC T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương đặt xe để vay anh H1 số tiền 10.000.000 đồng và đã tiêu xài hết.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng lời nói gian dối, để bị hại tin tưởng, giao tài sản, sau đó chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, nên vẫn cố ý thực hiện và đã chiếm đoạt của anh H 01 xe mô tô BKS 30L5-6566 trị giá 14.000.000đ và 01 xe mô tô BKS 16F3-8607 trị giá 16.000.000đ, tổng giá trị: 30.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất,

hành vi phạm tội của bị cáo thấy cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Văn H đã nhận lại xe mô tô BKS: 16F3 – 8607; Đối với xe mô tô BKS: 30L5 – 6566, V đã bồi thường cho anh H số tiền 23.000.000 đồng để anh H đi chuộc lại xe; Anh H không có yêu cầu vấn đề trách nhiệm dân sự. Anh Nguyễn Sỹ N1 và chị Ma Thị N2 đã mua xe mô tô BKS: 30L5-6566 của H và trả cho H 11.500.000đ. Anh N1 chị N2 đã bán xe cho anh Phạm Chiến T với giá 16.500.000đ; anh T trả lại xe cho anh N1, chị N2 và nhận lại số tiền 15.500.000đ; anh H chuộc lại xe máy và trả cho anh N1, chị N2 số tiền 13.000.000đ; anh H, anh N1, chị N2, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Chí Linh đã trả lại xe mô tô BKS: 30L5-6566, xe mô tô BKS: 16F3-8607 và đăng ký mỗi xe cho anh Nguyễn Văn H.

[8] Đối với anh Nguyễn Sỹ N1, chị Ma Thị N2 mua xe mô tô BKS: 30L5-6566; anh Phạm Chiến T mua của anh N1, chị N2 xe mô tô BKS: 30L5-6566 và anh Mạc Văn H1 cho V vay tiền, cầm cố xe môtô BKS: 16F3-8607, thì anh N1, chị N2, anh T, anh H1 đều không biết những tài sản này là do V phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về biện pháp ngăn chặn: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 329, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 27 *(Hai mươi bẩy)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/10/2021. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh (01);
- VKSND tỉnh Hải Dương (01);
- Chi cục THADS TP. Chí Linh (01);
- Công an thành phố Chí Linh (03);
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương (01);
- Bị cáo (01); người bị hại (01); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (01)
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương (01);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Luyến